CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN TÀI

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN TÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN TAI DEVELOPMENT AND TRANSPORT SERVICES TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110634400

3. Ngày thành lập: 29/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 4, Xã Song Phương, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0936612596* Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	*4322*
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	*4330*
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	*4390*
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	*4511*
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	*4513*
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa ôtô; Dịch vụ rửa xe ôtô, xe máy	*4520*
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	*4530*
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa (không bao gồm chứng khoán, bảo hiểm và đấu giá hàng hóa, tài sản)	*4610*
11.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
12.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*
13.	Bán buôn thực phẩm	*4632*
14.	Bán buôn đồ uống	*4633*

15.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	*4649*
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, vật tư, linh kiện, thiết bị văn phòng, thiết bị ngành in, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp, thiết bị tin học, trang thiết bị y tế, máy công nghiệp;	*4659(Chính)*
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không báo gồm vàng miếng)	*4662*
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	*4669*
24.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
25.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
26.	Khai thác dầu thô	*0610*
27.	Khai thác khí đốt tự nhiên	*0620*
28.	Khai thác quặng sắt	*0710*
29.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	*0721*
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không bao gồm: Dịch vụ Báo cáo toà án; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản và các Hoạt động Nhà nước cấm)	*8299*
31.	Cho thuê xe có động cơ	*7710*
32.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	*0722*
33.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	*0730*
34.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
35.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	*0891*
36.	Khai thác và thu gom than bùn	*0892*
37.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	*0899*
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	*0990*
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
40.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
41.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*
42.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	*1075*
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
44.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	*2512*

45.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
46.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
47.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	*2593*
48.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	*2599*
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	*4781*
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
53.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	*5011*
54.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	*5012*
55.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	*5021*
56.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
57.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	*5222*
59.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	*5225*
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động vận tải đường hàng không) Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics	*5229*
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
63.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
66.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
67.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	*7730*
69.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	*7810*
70.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động tạm thời trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	*7820*

71.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	*7830*
72.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
73.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
74.	Xây dựng công trình đường bộ	*4212*
75.	Xây dựng công trình điện	*4221*
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	*4222*
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	*4223*
78.	Xây dựng công trình công ích khác	*4229*
79.	Xây dựng công trình thủy	*4291*
80.	Xây dựng công trình khai khoáng	*4292*
81.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	*4293*
82.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	*4299*
83.	Phá dỡ	*4311*
84.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
85.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp;	*4321*

6. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRƯƠNG ĐỨC QUYNH Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *24/03/1990* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030090012502*

Ngày cấp: *08/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Thổ, Xã Nguyên Giáp, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Thổ, Xã Nguyên Giáp, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: TRƯƠNG ĐỨC QUYNH Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/03/1990* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030090012502*

Ngày cấp: *08/04/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Thổ, Xã Nguyên Giáp, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Thổ, Xã Nguyên Giáp, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội